TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ	*Cam Lâm, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ khoản 4 Điều 397, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa

Bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 30/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Cam An B, huyện C (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 024/2001 quyển số 01/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N thuận tình ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự tự nguyện ly hôn của ông D và bà N.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú Q– sinh ngày 30/6/2002 và cháu Nguyễn Hùng A sinh ngày 16/12/2004. Ông D và bà N thỏa thuận giao cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và giao cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A; ông D và bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về chia tài sản chung khi ly hôn: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phú Q– sinh ngày 30/6/2002 cho ông Nguyễn Hùng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Hùng A – sinh ngày 16/12/2004 cho bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2**.** Về lệ phí Tòa án*:* Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Hôn nhân -gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004724 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Nguyễn Hùng D và bà Huyền Huyền Tôn Nữ Bích N đã nộp đủ tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Mỹ Hạnh